

T. Suyen

Mã nhận dạng : 000643

Trang : 1/2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android (228271) - Nhóm

Môn học: 01

CBGD: Nguyễn Kim Suyen (280024)

Số SV có mặt: ...28...

Số bài thi: ...28...

Số tờ giấy thi: ...28...

Cán bộ coi thi 1 N.KIM SUYEN	Cán bộ coi thi 2 N.KIM SUYEN	G.Viên chấm thi 1 N.KIM SUYEN	G.Viên chấm thi 2
-------------------------------------	-------------------------------------	--------------------------------------	-------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119060038	NGUYỄN VĂN CANG	06/09/2000	CCQ1906B						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120060005	PHAN THANH DUY	08/12/2002	CCQ2006A						8,1	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120170076	HUỖNH DUY ĐỨC	10/08/2002	CCQ2006B						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120060064	NGUYỄN NHẬT HÀO	11/05/2002	CCQ2006A						8,3	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120060007	PHAN VĂN HẬU	16/09/2002	CCQ2006A						6,8	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120060042	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/02/2001	CCQ2006B						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120060011	NGUYỄN THỊ NGỌC HƯƠNG	18/05/2002	CCQ2006A						7,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120060012	LÊ QUANG KHANG	10/07/2002	CCQ2006A						8,5	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119060047	HUỖNH MINH KHIÊM	31/05/2001	CCQ1906B						7,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120060014	NGUYỄN TUẤN KIẾT	23/12/2002	CCQ2006A						6,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2118060021	ĐẶNG MINH MÃN	22/11/2000	CCQ1806A						5,2	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060057	LẠI KIM ANH MINH	28/04/2002	CCQ2006B						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120230001	TRẦN THANH NGÂN	22/06/2002	CCQ2006B						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120060045	TRƯƠNG VÕ HOÀNG PHÚC	24/08/2002	CCQ2006B						6,9	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2118060029	ĐOÀN THẾ SƠN	27/04/2000	CCQ1806A						5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120060049	VÕ VĂN SỸ	16/09/2002	CCQ2006B						5,0	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119060056	NGUYỄN QUANG TÂM	11/04/2000	CCQ1906B						6,6	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120170132	VÕ VĂN TÂM	22/03/2002	CCQ2006B						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119060057	PHẠM LÊ THẢO	05/01/2001	CCQ1906B						6,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119060029	NGUYỄN HỒNG THẬT	10/01/1998	CCQ1906A						5,4	V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Lập trình điều khiển trên thiết bị di động Android (228271) - Nhóm
Môn học: 01
CBGD: Nguyễn Kim Suyền (280024)

Số SV có mặt: 28
Số bài thi: 28
Số tờ giấy thi: 28

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Luu</i> N.KIM SUYỀN		<i>Luu</i> N.KIM SUYỀN	

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	D.QT 40%	D.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120060067	MAI THỊ	THÊM	16/02/2002	CCQ2006A		<i>Thêm</i>			6,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
22	2120060053	PHẠM HẠ VÂN	THÙY	17/05/2001	CCQ2006B		<i>Thuy</i>			7,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
23	2119060032	LÊ QUỐC	TRIỆU	10/06/2001	CCQ1906A		<i>Quốc</i>			5,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
24	2118060085	NGÔ QUANG	VINH	24/09/2000	CCQ1806B		<i>Vinh</i>			5,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
25	2117060092	LÊ QUỐC	VŨ	29/07/1999	CCQ1706B		<i>Quoc</i>			6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
26	2120060034	NGUYỄN VĂN	VƯƠNG	12/04/2002	CCQ2006A		<i>Vu</i>			5,2	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
27	2119060035	PHAN PHƯỚC	VƯƠNG	28/02/2001	CCQ1906A		<i>Phuoc</i>			6,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)
28	2120060035	NGUYỄN TIỂU	YẾN	09/08/2002	CCQ2006A		<i>Tien</i>			6,8	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)